

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Long Văn Hoàng.

2. Ông Vương Đức Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 05 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST - HNGĐ ngày 19/06/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sùng Thị M ; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai, vắng mặt, (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lý Seo N; Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 03 năm 2025 và bản tự khai ngày 25/03/2025 cùng bản tự khai bổ sung ngày 14/04/2025, nguyên đơn chị Sùng Thị M trình bày: Chị và anh Lý S Nhà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật vào ngày 25/12/2020. Hôn nhân của anh chị là tự nguyện, có tìm hiểu, không do bên nào ép buộc. Thời gian đầu chung sống chị M và anh N sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2023 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không tìm ra tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau về việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình nuôi dạy con chung. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo động viên, nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Seo N.

Về con: Chị Sùng Thị M và anh Lý S Nhà có 02 người con chung là cháu Lý Ngọc Á, sinh ngày 14/01/2021, Cháu Lý Diễm M1 sinh ngày 12/10/2022. Nguyên vọng của chị nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh N chị sẽ trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Á và cháu M1 đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Lý Diễm M1 là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị Sùng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Cư Seo C (là chủ rể anh N) nhưng anh Lý S Nhà đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và lấy lời khai của người làm chứng tại địa phương nơi anh N sinh sống thì được biết: Chị Sùng Thị M và anh Lý S Nhà đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách dẫn đến bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng thường cãi chửi nhau, anh N đi làm ở nơi khác từ tháng 03/2025, thỉnh thoảng về nhà rồi lại đi, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đối với anh C1 Seo Chớ là chú rể anh N để Tòa án tiến hành lấy lời khai nhưng anh N đều vắng mặt.

Tòa án đã ra thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ theo quy định.

Tại phiên tòa, chị Sùng Thị M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị M đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện sát nhân dân huyện M đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 điều 81; Khoản 1, 2, 3 Điều

82; Khoản 1, 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Sùng Thị M được ly hôn anh Lý Seo N.

Về con chung: Chị Sùng Thị M và anh Lý S Nhà có 02 người con chung là cháu chung là cháu Lý Ngọc Á, sinh ngày 14/01/2021, Cháu Lý Diễm M1 sinh ngày 12/10/2022. Nguyên vọng của chị nếu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N chị sẽ trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Á và cháu M1 đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Lý Diễm M1 là 1.000. 000 đồng/tháng cho đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi. Tòa án đã yêu cầu chị M cung cấp mức thu nhập thì chị M có mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng. Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B anh N có mức thu nhập 3.800.000 đồng/tháng. Vì vậy nên giao hai cháu Á và cháu M1 cho chị Sùng Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đồng thời anh Lý S Nhà cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Lý Diễm M1 1.000.000 đồng/ tháng đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra tuyên án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Sùng Thị M khởi kiện xin ly với anh Lý S Nhà nên xác định đây là vụ án về Hôn nhân và gia đình. Anh N đăng ký hộ khẩu tại thôn Đ, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Khương quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh C Seo C (là chủ rể anh N) nhưng anh Lý S Nhà đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và lấy lời khai của người làm chứng tại địa phương nơi anh N sinh sống thì được biết: Chị Sùng Thị M và anh Sùng S1 Nhà đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách dẫn đến bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng thường cãi chửi nhau, anh N đi làm ở nơi khác từ tháng 03/2025, thỉnh thoảng về nhà rồi lại đi, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đối với anh

C1 Seo Chớ là chú rể anh N để Tòa án tiến hành lấy lời khai nhưng anh N đều vắng mặt.

Tòa án đã ra thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ theo quy định.

Tại phiên tòa, chị Sùng Thị M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị M đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Chị Sùng Thị M và anh Lý S Nhà tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai. Nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra giữa hai vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Vì vậy xét thấy tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần phải xử cho chị Sùng Thị M được ly hôn anh Lý S Nhà là phù hợp nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 để giải quyết. Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Sùng Thị M và anh Lý S Nhà có 02 người con chung là cháu chung là cháu Lý Ngọc Á, sinh ngày 14/01/2021, Cháu Lý Diễm M1 sinh ngày 12/10/2022. Nguyên vọng của chị nếu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N chị sẽ trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Á và cháu M1 đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Lý Diễm M1 là 1.000. 000 đồng/tháng cho đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi. Tòa án đã yêu cầu chị M cung cấp mức thu nhập thì chị M có mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng. Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B anh N có mức thu nhập 3.800.000 đồng/tháng. Vì vậy nên giao hai cháu Á và cháu M1 cho chị Sùng Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đồng thời anh Lý S Nhà cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Lý Diễm M1 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi. Nên căn cứ khoản 1, 2 điều 81; Khoản 1, 2, 3 Điều 82; Khoản 1, 2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Sùng Thị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016. Anh Lý Seo N phải chịu án phí theo điểm a khoản 6 Điều 27 của nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 2, 3 Điều 82; khoản 1, 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị M; xử cho chị Sùng Thị M được ly hôn anh Lý Seo N. Quan hệ hôn nhân của chị Sùng Thị M và anh Lý S Nhà được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Giao cháu Lý Ngọc Á, sinh ngày 14/01/2021, Cháu Lý Diễm M1 sinh ngày 12/10/2022. cho chị Sùng Thị M trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Lý S Nhà phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lý Diễm M1 là 1.000.000 đồng/ tháng đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 01/08/2025 .

Anh Lý S Nhà có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai theo biên lai Ký hiệu: BLTU/24P số: 0004883, ngày 11 tháng 03 năm 2025. Anh Lý Seo N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Huyện MK, VKSND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS huyện Mường Khương;
- Các đương sự;
- UBND xã Nậm Mả, huyện Văn Bàn;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Hải Quân